

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/DS-ST.

Ngày: 12-9-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phạm Thị Thu Vân.

+ Ông Huỳnh Hiếu Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T - Sinh năm: 1988; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số C, ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; địa chỉ liên lạc: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Diễm C - Sinh năm: 1983; địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị Loan T1 - Sinh năm: 1997; địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L - Sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có cho bị đơn vay các khoản tiền như sau:

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, ông T có cho bà L vay 2.100.000.000VNĐ (hai tỷ một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng. Việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền cùng ngày 01/12/2022, có chữ ký, điểm chỉ của bà L. Khi đến hạn trả tiền thì bà L và ông T có thỏa thuận miệng là tiếp tục cho bà L vay số tiền trên thêm 12 (mười hai) tháng nữa. Kể từ lúc vay tiền cho đến nay thì bà L có trả tiền lãi đến tháng 01 năm 2024 thì không trả tiền lãi nữa và chưa trả được khoản nợ gốc nào.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, ông T tiếp tục cho bà L vay 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền cùng ngày 12/01/2024. Đối với khoản vay này thì bà L không có trả tiền lãi, chưa có trả được khoản nợ gốc nào.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, ông T tiếp tục cho bà L vay 150.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, việc vay tiền có làm Hợp đồng vay tiền cùng ngày 31/01/2024. Đối với khoản vay này thì bà L không có trả tiền lãi, chưa có trả được khoản nợ gốc nào.

Nay, ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải trả tổng số tiền đã vay là 2.550.000.000VNĐ (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng, gồm ba khoản vay: 2.100.000.000VNĐ, 300.000.000VNĐ, 150.000.000VNĐ) và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Minh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải trả tổng số tiền đã vay là 2.550.000.000VNĐ (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng, gồm ba khoản vay: 2.100.000.000VNĐ, 300.000.000VNĐ, 150.000.000VNĐ) và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim L có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà L được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 12/7/2024, ngày 01/8/2024; đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (chị Loan T1) có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông Nguyễn Minh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải trả tổng số tiền đã vay là 2.550.000.000VNĐ (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng, gồm ba khoản vay: 2.100.000.000VNĐ, 300.000.000VNĐ, 150.000.000VNĐ) và tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

[3.2] Đối với khoản vay 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) vào ngày 12/01/2024 và khoản vay 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 31/01/2024: Điều 2 của hai hợp đồng có ghi thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 12/01/2024, ngày 31/01/2024; Điều 3 của hai hợp đồng ghi lãi suất do hai bên tự thỏa thuận; cả hai hợp đồng vay tiền có ghi nhận tại Điều 4 là Phương thức hoàn trả trả tiền: Trả một lần khi hợp đồng hết hạn; Điều 5 có thỏa thuận: Bên A (bên cho vay) không được yêu cầu bên B (bên vay) trả lại tiền trước thời hạn, trừ trường hợp luật có quy định hoặc hai bên có thỏa thuận; nhưng nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào về việc có thỏa thuận mức lãi suất là bao nhiêu? Phương thức trả tiền lãi như thế nào? Cũng như việc bên vay đồng ý trả tiền trước khi kết thúc thời hạn vay. Trong khi đó, khoản vay 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) phải đến ngày 12/01/2025 mới hết thời hạn vay, khoản vay 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) phải đến ngày 31/01/2025 mới hết thời hạn vay nên căn cứ vào Điều 465 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hai khoản vay này; nguyên đơn được quyền khởi kiện lại đối với các khoản vay này khi đến kỳ hạn trả tiền.

[3.3] Đối với khoản vay 2.100.000.000VNĐ (hai tỷ một trăm triệu đồng) vào ngày 01/12/2022: Nguyên đơn có cung cấp Hợp đồng vay tiền ngày 01/12/2022, có chữ ký của bị đơn ở trang thứ nhất, có chữ ký, ghi họ tên Nguyễn

Thị Kim L và điểm chỉ ở trang thứ hai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không phản đối đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có cơ sở để xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 2.100.000.000VNĐ (hai tỷ một trăm triệu đồng) vào ngày 01/12/2022 với thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày 01/12/2022. Khoản vay này đã đến hạn trả. Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bị đơn có trả tiền lãi, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là bao nhiêu phần trăm nhưng mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là 0,83%/tháng kể từ ngày 01/02/2024 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận; cụ thể phần tiền lãi được tính như sau: $2.100.000.000\text{VNĐ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 128.401.000\text{VNĐ}$ (một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản vay 300.000.000VNĐ và khoản vay 150.000.000VNĐ không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với hai khoản vay này, cụ thể được tính như sau:

Đối với khoản vay 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng):
 $[300.000.000\text{VNĐ} + (300.000.000\text{VNĐ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 11 \text{ ngày})] \times 5\% = 15.917.000\text{VNĐ}$ (mười lăm triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

Đối với khoản vay 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng):
 $[150.000.000\text{VNĐ} + (150.000.000\text{VNĐ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng } 11 \text{ ngày})] \times 5\% = 7.958.500\text{VNĐ}$ (bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Tổng cộng nguyên đơn phải chịu 23.875.500VNĐ (hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản vay 2.100.000.000VNĐ (hai tỷ một trăm triệu đồng) được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với khoản vay này được tính như sau: $[72.000.000\text{VNĐ} + (2\% \times 228.401.000\text{VNĐ})] \times 5\% = 76.568.000\text{VNĐ}$ (bảy mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L phải trả khoản vay 300.000.000VNĐ (ba trăm triệu đồng) vào ngày 12/01/2024 và khoản vay 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 31/01/2024 cũng như yêu cầu trả tiền lãi của hai khoản vay này kể từ ngày 01/02/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Ông Nguyễn Minh T có quyền khởi kiện lại đối với các khoản vay nêu trên khi hết thời hạn vay.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với khoản vay 2.100.000.000VNĐ (hai tỷ một trăm triệu đồng) vào ngày 01/12/2022, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T số nợ gốc là 2.100.000.000VNĐ (hai tỷ một trăm triệu đồng) và tiền lãi là 128.401.000VNĐ (một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Buộc ông Nguyễn Minh T phải chịu 23.875.500VNĐ (hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp là 43.221.000VNĐ (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004731 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh T số tiền chênh lệch là 19.345.500VNĐ (mười chín triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm đồng).

3.2) Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ nộp 76.568.000VNĐ (bảy mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên